TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **33**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27/11/2020
Về việc: "Không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

*/ *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn 8, (này là thôn ĐL), xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*/ *Bị đơn*: Bà Lâm Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn 8, (nay là thôn ĐL), xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

(theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30/9/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc sát nhập, đổi tên và thành lập mới thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 02/10/2020, lời khai trong quá trình điều tra ông Nguyễn Văn T trình bày: ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị H chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình sống chung, ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình, vợ chồng không hợp nhau ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, nay ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lâm Thị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có hai người con chung gồm cháu Nguyễn Mỹ L, sinh năm 1998, cháu Nguyễn Văn S, sinh năm 1999,

hiện các cháu đều đã đủ tuổi trưởng thành nên ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo lời khai của bà Lâm Thị H trong quá trình điều tra:* bà Lâm Thị H thừa nhận cuộc sống gia đình hai vợ chồng sống không hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn xích mích, dần dần vợ chồng không còn tình cảm nữa, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Bà Lâm Thị H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và đồng ý ly hôn, hiện các con cái đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà Lâm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T; Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị H là vợ chồng; Về con chung: các cháu đều đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; Về án phí: Ông Nguyễn Văn T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án Xin ly hôn, bị đơn là bà Lâm Thị H có địa chỉ tại thôn ĐL, xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 19/11/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bị đơn bà Lâm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T: Vào năm 1996 ông và bà Lâm Thị H trên cơ sở tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng đến năm 2018. Tuy không đăng ký kết hôn, nhưng được sự chứng kiến của hai bên họ hàng. Lẽ ra, khi đã là vợ chồng thì ông bà phải yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững. Nhưng trái lại, khi bước vào cuộc sống chung thì cả hai cùng bộc lộ những tính cách khác nhau, lối sống trái ngược nhau, vợ chồng không thông cảm với nhau, không nhường nhịn nhau mà thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình điều tra bà Lâm Thị H cũng thừa nhận là vợ chồng ông bà có quá nhiều mâu thuẫn nên hôn nhân không thể kéo dài. Việc ly hôn thật sự là cần thiết để giải phóng cho một cuộc hôn nhân không đạt được mục đích. Xét thấy, ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị H cũng đã có thời gian sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay và không quan tâm đến nhau nữa. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa hai người là trầm trọng. Hôn nhân của ông bà thật sự không đạt được mục đích. Vì vậy, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử xác định, chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T và giải quyết ông được ly hôn với bà Lâm Thị H.

Ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị H đều đồng ý thuận tình ly hôn, do đó Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T là phù hợp. Tuy nhiên, hôn nhân giữa ông bà không có đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ giữa ông bà không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

3. Về con chung: các cháu đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

4. Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Ông Nguyễn Văn T. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị H là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: các cháu đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003565 ngày 05/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện M;
- UBND xã L, huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh